

Bản án số: 25/2023/HS-ST

Ngày 16-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Văn Doanh

Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thị Thủy.

Ông Nông Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Thẩm Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 879/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Kim T, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1983, tại Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi đăng ký thường trú: Xóm H, thị trấn N, huyện L, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Nông dân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị H; Chồng: Lý Nam D, con: có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2023 đến ngày 22/6/2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nông Thị T1, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Xóm N, xã Q, huyện L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 1970;

Nơi cư trú: Xóm V, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. Thẩm Thị L, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Xóm H, thị trấn N, huyện L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

4. Hà Thị T2, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Xóm N, xã Q, huyện L, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do.

5. Hoàng Thị T3, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Xóm K, xã T, huyện L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

6. Thẩm Thị T4, sinh năm 1961;

Nơi cư trú: Xóm H, thị trấn N, huyện L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được đơn tố cáo về Trần Kim T cho vay tiền với lãi nặng, nên vào lúc 12 giờ 20 phút ngày 08/4/2023 Công an huyện Hạ Lang đến đưa giấy triệu tập cho Trần Kim T thì phát hiện bà Nông Thị T1 là người xóm N, xã Q đang cầm 6.000.000 đồng đến trả tiền lãi vay cho T, trên bàn uống nước có 01 tờ giấy kê ngang ghi với nội dung giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được lập vào ngày 08/4/2023 do T viết sẵn cho bà T1 ký xác nhận việc chuyển quyền sử dụng đất. Trong quá trình làm việc, T tự nguyện xuất trình 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên hộ ông Nông Văn L và bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại xóm B, xã Q, huyện L. Sự việc được lập biên bản, vật chứng được niêm phong để phục vụ công tác điều tra. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hạ Lang tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T, thu giữ được: 01 GCNQSDĐ số AM 823753 mang tên Thẩm Thị L và Hoàng Văn A; 01 GCNQSDĐ số BB 978144 mang tên Nguyễn Văn H; 06 giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Thuận với Thẩm Thị Loan, giữa T với Nông Thị T1, Nông Văn C và Nguyễn Văn H, cùng một số giấy tờ, sổ sách ghi các con số thể hiện số tiền vay, số tiền trả lãi.

Quá trình điều tra chứng minh được: Từ tháng 8 năm 2021 đến ngày 8/4/2023 Trần Kim T đã cho 06 người trên địa bàn các xã của huyện Hạ Lang vay tiền với lãi suất từ 4.000 đồng đến 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất từ 146% đến 365%/ năm, cao gấp 7,3 đến 18,25 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự (BLDS). Tổng số tiền gốc mà T đã cho cho vay là 303.000.000 đồng, nhằm chiếm đoạt với số tiền là 1.267.383.330 đồng. Trên thực tế, T đã thu được lãi từ những người vay là 662.000.000 đồng, trong đó số tiền được phép thu theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự là 38.801.096 đồng, số tiền thu lợi bất chính được xác định là 623.198.904 đồng. Cụ thể, T cho những người vay với số tiền và thu lợi bất chính như sau:

1. Cho ông Nguyễn Văn H vay 02 lần với tổng số tiền 108.000.000 đồng, với lãi xuất từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng/triệu/ngày. Lần 1 vay 40.000.000 đồng vào ngày 25/8/2021; lần 2 vay vào ngày 18/7/2022 với số tiền 68.000.000 đồng. Do chưa trả được lãi đúng hạn nên T đã cộng lãi vào tiền gốc để tính với lãi xuất 10.000 đồng/triệu/ngày. Tính đến ngày 04/3/2023, Hoan đã trả lãi cho T rất nhiều lần, nhưng vẫn được thông báo là còn nợ 650.000.000 đồng, ngày 05/3/2023 ông H trả thêm 100.000.000 đồng, nên số tiền lãi được 02 bên xác định đã trả là 515.740.000 đồng, còn nợ gốc và lãi là 550.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi xuất theo quy định của BLDS là 22.790.137, thì số tiền mà T thu lợi bất chính được xác định là 492.949.863 đồng.

2. Cho bà Nông Thị T1 vay 02 lần, với tổng số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Lần 1 vay ngày 14/01/2022 với số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày

17/02/2022 bà T1 đã trả đủ tiền gốc và lãi là 27.000.000 đồng; lần 2 vay ngày 07/3/2022 với số tiền 40.000.000 đồng. Tính đến ngày 03/4/2023, bà T1 chưa trả tiền gốc, đã trả được 85.260.000 đồng tiền lãi (bao gồm số tiền 6.000.000 đồng bị thu giữ ngày 08/4/2023), theo cách tính của T thì bà T1 còn nợ là 260.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất 20% theo quy định là 9.084.932 đồng, thì số tiền T thu lợi bất chính được xác định là 83.175.068 đồng.

3. Cho bà Thắm Thị L vay 02 lần, với tổng số tiền 45.000.000 đồng. Lần 1 vay 20.000.000 đồng vào ngày 09/6/2021 đến ngày 13/8/2022, L đã trả đủ tiền gốc và lãi là 33.000.000 đồng; lần 2 vay ngày 17/8/2022 với số tiền 25.000.000 đồng, tính đến ngày 07/02/2023 bà L chưa trả gốc, chỉ trả được 16.000.000 đồng tiền lãi và còn nợ cả gốc và lãi là 68.700.000 đồng. Từ ngày 07/02/2023 đến ngày 08/4/2023 T không tính lãi với bà L vì đã chốt nợ với nhau. Sau khi trừ lãi suất 20% là 3.917.808 đồng, thì số tiền T thu lợi bất chính được xác định là 25.082.192 đồng.

4. Cho bà Hà Thị T2 vay 20.000.000 vào cuối năm 2021, với lãi xuất 5.000 đồng/triệu/ngày, đến đầu năm 2022 bà T2 đã trả đủ tiền gốc và lãi là 24.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất 20% là 438.356 đồng, thì số tiền T thu lợi bất chính được xác định là 3.561.644 đồng.

5. Cho bà Hoàng Thị T3 vay 40.000.000 đồng vào ngày 25/8/2022 với lãi xuất 5.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 19/10/2022 bà T3 đã trả xong tiền gốc và lãi là 51.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất 20% là 1.205.479 đồng, thì số tiền T thu lợi bất chính được xác định là 9.794.521 đồng.

6. Cho bà Thắm Thị T4 vay 30.000.000 đồng vào ngày 23/8/2021 với lãi xuất 4.000 đồng/triệu/ngày. Đến tháng 11/2021 bà T4 đã trả đủ tiền gốc và lãi được 40.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất 20% là 1.364.384 đồng, thì số tiền T thu lợi bất chính được xác định là 8.635.616 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSHL ngày 21/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Trần Kim T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Kim T thừa nhận đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng với số người, số lần và số tiền đã như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không có ý kiến khiếu nại đối với các hoạt động của người và Cơ quan tiến hành tố tụng.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều cho rằng số tiền, thời gian vay, việc thu lãi trước đã được đối chiếu và trùng khớp về số liệu. Đề nghị xem xét giải quyết các khoản tiền đúng với quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Trần Kim T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Khi phạm tội, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; có 02 tình tiết giảm nhẹ là đã khắc phục một phần thiệt hại và thành khẩn khai báo được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xét về điều kiện kinh tế, gia đình bị cáo có đủ khả năng để áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo từ hai trăm ba

mười triệu đến hai trăm năm mươi triệu đồng để sung công quỹ nhà nước. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Buộc bị cáo T phải nộp khoản tiền gốc mà những người vay đã trả là 130.000.000 đồng; nộp khoản tiền lãi tương đương 20% là 38.801.096 đồng; trả tiền lãi xuất thu vượt quá (thu lợi bất chính) là 623.198.904 đồng. Buộc những người đã vay phải nộp lại số tiền gốc chưa trả để sung công quỹ Nhà nước là 173.000.000 đồng. Tạm giữ số tiền 6.000.000 đồng của bà Nông Thị T1 bị thu giữ vào ngày 08/4/2023 để đảm bảo thi hành án; tịch thu sung công 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax của bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, trả 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ sở hữu, trả cho bị cáo 01 giấy vay tiền giữa bị cáo với Nông Văn C; tịch thu tiêu hủy 05 giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo với những người vay tiền, 01 quyền vờ kê ngang, 01 tờ giấy kê ngang vì không có giá trị sử dụng.

Bị cáo T có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, để có cơ hội tạo ra thu nhập trả xong toàn bộ số tiền bị phạt, với mức phạt phù hợp với điều kiện của bị cáo. Tính đến ngày xét xử, bị cáo đã khắc phục được 290.000.000 đồng và sẽ tiếp tục khắc phục toàn bộ khoản tiền mà bị cáo đã gây ra thiệt hại cho những người vay trong thời gian sớm nhất.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với các quan điểm xử lý vụ án của đại diện viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hạ Lang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người liên quan trong vụ án: Tại phiên tòa, bà Hà Thị T2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bà T2 đã được Cơ quan điều tra lấy lời khai, được đối chiếu với lời khai của bị cáo về số tiền, số lần vay, số tiền đã trả và sự vắng mặt của người này không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi mà bị cáo đã thực hiện và các yếu tố cấu thành tội phạm: Do háms lợi, nên bị cáo Trần Kim T có hành vi cho người dân trên địa bàn huyện Hạ Lang vay tiền với lãi nặng từ 4.000 đồng, 5.000 đồng đến 10.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với 146% đến 365%/năm, cao gấp 7,3 đến 18,25 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Khi cho vay, T thường cho người vay phải viết giấy thỏa thuận hoặc thế chấp GCNQSDĐ để đảm bảo cho

khoản vay. Cụ thể, từ tháng 8/2023, T đã cho 06 người vay là Nông Thị T1, Nguyễn Văn H, Thắm Thị L, Hà Thị T2, Hoàng Thị T3, Thắm Thị T4 vay với tổng số tiền gốc là 303.000.000 đồng, số tiền lãi mà bị cáo đã thu là 662.000.000 đồng, sau khi trừ đi lãi suất 20% mà Bộ luật dân sự quy định là 38.801.096 đồng, thì số thu tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính là 623.198.904 đồng.

Khi cho vay tiền, T là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là tội phạm nhưng vì mục đích tư lợi nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến trật tự quản lý của Nhà nước về kinh doanh tiền tệ, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người vay, gây mất trật tự trị an khiến dư luận quần chúng bất bình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang truy tố bị cáo về “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS là đúng người, đúng tội, không oan.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, cụ thể có 02 lần bị cáo cho bà T1, ông H vay tiền với số tiền thu lợi bất chính đều trên 30.000.000 đồng nên bị coi là phạm tội từ 02 lần trở lên. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 điều 51 BLHS, cần được áp dụng khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Xét về tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy rằng: Tội phạm mà bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tội phạm xâm hại trật tự quản lý kinh tế, số tiền bị cáo đã khắc phục là 290.000.000 đồng, khả năng kinh tế có thể đáp ứng được hình phạt tiền được quy định tại Điều 35 BLHS, cũng như Điều 3 Nghị quyết số 01/20221/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

[4] Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Theo quy định tại các Điều 46, 47 BLHS; các Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 về hướng dẫn áp dụng Điều 201 về tội cho vay lãi nặng của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cũng như Công văn 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, thì tài sản bị tịch thu bao gồm: “Vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép thì không bị tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp”. Theo những quy định này, thì tài sản trong vụ án này bị tịch thu sung công bao gồm: Khoản tiền gốc mà Trần Kim T đã cho 06 người vay (gồm tiền gốc đã trả và chưa trả cho T); khoản tiền lãi tương đương với 20 % mà Bộ luật dân sự đã quy định. Đối với khoản tiền thu lãi vượt quá 20% (thu lợi bất

chính) sẽ được trả lại cho người vay (trừ trường hợp người vay sử dụng tiền vào mục đích bất hợp pháp). Cụ thể:

- Đối với khoản tiền gốc mà người vay đã trả cho Trần Kim T thì T có trách nhiệm nộp lại để sung công quỹ Nhà nước. Những người vay đã trả gốc gồm: Nông Thị T1 đã trả gốc vay 20 triệu; Thắm Thị L đã trả 20 triệu; Hà Thị T2 đã trả 20 triệu; Hoàng Thị T3 đã trả 40 triệu; Thắm Thị T4 đã trả 30 triệu đồng. Tổng cộng, số tiền gốc T phải nộp là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

- Đối với khoản tiền gốc mà người vay chưa trả, thì những người này có trách nhiệm nộp lại để sung công quỹ Nhà nước. Những người vay, phải nộp số tiền này bao gồm: Nông Thị T1 phải nộp 40 triệu; Thắm Thị L nộp 25 triệu; Nguyễn Văn H phải nộp 108 triệu đồng. Tổng cộng, những người vay phải nộp số tiền gốc là 173.000.000đ (một trăm bảy mươi ba triệu đồng).

- Do không có tài liệu để chứng minh những người vay sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp nên T phải trả lại số tiền thu lợi bất cho những người vay gồm: Trả cho Nguyễn Văn H 492.949.863 đồng; trả cho Nông Thị T1 83.175.068 đồng; trả cho Thắm Thị L 25.082.192 đồng; trả cho Hà Thị T2 3.561.644 đồng; trả cho Hoàng Thị T3 9.794.521 đồng; trả cho Thắm Thị T4 8.635.616 đồng.

- Đối với khoản tiền thu lãi tương đương 20% theo quy định của bộ luật dân sự, được xác định là 38.801.096 đồng (ba mươi tám triệu tám trăm linh một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng). Đây là khoản tiền có được từ giao dịch trái pháp luật, nên T phải nộp để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với vật chứng bị thu giữ bao gồm:

- 03 (ba) GCNQSDĐ cần được trả lại cho Nông Thị T1, Nguyễn Văn H, Thắm Thị L.

- Chiếc điện thoại IPHONE 12 PROMAX là tài sản của bị cáo, được bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc khi cho vay và đòi nợ nên bị tịch thu sung công.

- Đối với các giấy tờ khác bị thu giữ, do không còn giá trị chứng minh và sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền bị thu giữ là 6.000.000 đồng được xác định là số tiền của bà Nông Thị T đến trả lãi cho bị cáo T, số tiền này đã được tính trong tổng số tiền lãi đã trả là 85.260.000 đồng, nên cần được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: Bị cáo là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Kim T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo 240.000.000đ (hai trăm bốn mươi triệu đồng) để sung công

quỹ nhà nước.

3. Về vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS.

- Buộc Trần Kim T phải nộp số tiền gốc cho vay lãi nặng là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

- Buộc Trần Kim T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính là 623.198.904 đồng (sáu trăm hai mươi ba triệu một trăm chín mươi tám nghìn chín trăm linh bốn đồng) cho những người với những số tiền như sau: Trả cho Nguyễn Văn H 492.949.863 đồng; trả cho Nông Thị T1 83.175.068 đồng; trả cho Thẩm thị L 25.082.192 đồng; trả cho Hà Thị T2 3.561.644 đồng; trả cho Hoàng Thị T3 9.794.521 đồng; trả cho Thẩm Thị T4 8.635.616 đồng.

- Buộc Trần Kim T phải nộp số tiền giao dịch trái pháp luật mà có để sung công quỹ Nhà nước (tiền lãi tương đương với lãi suất 20%) là 38.801.096 đồng (ba mươi tám triệu tám trăm linh một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Tổng tiền gốc cho vay, tiền thu lợi bất chính và tiền lãi xuất 20% mà bị cáo phải nộp là 792.000.000 đồng.

Xác nhận Trần Kim T đã nộp số tiền 290.000.000 đồng vào các ngày 14, 16/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang.

- Buộc những người vay phải nộp tiền gốc vay để sung công quỹ Nhà nước, bao gồm số người với số tiền phải nộp, cụ thể như sau: Nông Thị T1 phải nộp 40 triệu; Thẩm Thị L nộp 25 triệu; Nguyễn Văn H phải nộp 108 triệu đồng. Tổng cộng, những người vay phải nộp số tiền gốc là 173.000.000đ (một trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Trả lại 01 GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn H cho ông Nguyễn Văn H.

- Trả lại 01 GCNQSDĐ mang tên Nông Văn L, Nguyễn Thị H cho bà Nông Thị T.

- Trả lại 01 GCNQSDĐ mang tên Thẩm Thị L, Hoàng Văn A cho bà Thẩm Thị L.

- Trả 01 giấy vay tiền giữa bị cáo với Nông Văn C cho bị cáo T.

- Tịch thu sung công chiếc điện thoại nhãn hiệu chiếc điện thoại IPHONE 12 PROMAX của bị cáo Trần Kim T.

- Tịch thu tiêu hủy 05 giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo với những người vay tiền, 01 quyển vở kẻ ngang, 01 quyển sổ nhãn hiệu Hải Tiến và 04 tờ giấy kẻ ngang.

- Tạm giữ số tiền 6.000.000 đồng của bà Nông Thị T1 bị thu giữ vào ngày 08/4/2023 để đảm bảo thi hành án.

Xác nhận những vật chứng nêu trên, đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a,

c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Kim T phải chịu án phí hình sự hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo Bản án: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án đến phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo đến phần quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hạ Lang;
- Công an huyện Hạ Lang;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- UBND nơi bị cáo cư trú (bằng t/b);
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lục Văn Doanh